

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

MỤC TIÊU MÔN HỌC

v Trang b nh ng ki n th c chuyên môn
ch y u v k toán tài chính doanh nghi p
th ng m i, d ch v và xây d ng.

v Giúp sinh viên n m b t nghi p v k
toán m c đ chuyên sâu phù h p v i
chuyên ngành đào t o, k t thúc h c ph n
này sinh viên có kh năng v n d ng thành
th o nghi p v k toán liên quan đ n k
toán doanh nghi p th ng m i, d ch v ,
xây d ng.

K T C U MÔN HỌC

- Ch ng 1: T ng quan v doanh nghi p TM-DV
- Ch ng 2: K toán t i n và các kho n t ng đ ng t i n
- Ch ng 3: K toán mua bán hàng hóa trong n c
- Ch ng 4: K toán xu t nh p kh u
- Ch ng 5: K toán ho t đ ng kinh doanh d ch v
- Ch ng 6: K toán doanh nghi p xây d ng
- Ch ng 7: K toán tài s n c đ nh
- Ch ng 8: K toán CPKD, CP thu TNDN và XB KQKD
- Ch ng 9: Báo cáo tài chính

YÊU CẦU MÔN HỌC

- ✓ Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian trên lớp
- ✓ Hoàn thành các bài tập cơ bản, chứng minh và có thái độ nghiêm túc trong học tập
- ✓ Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và cuối kỳ
- ✓ Thi cử nghiêm túc

TÀI LIỆU THAM KHẢO

✓ Sách, giáo trình chính:

- [1] TS. Trần Phú và tập thể tác giả, Kế toán thống kê nội doanh nghiệp, Nhà xuất bản Tài Chính, 2009

✓ Tài liệu tham khảo:

- [1] Kế toán tài chính - Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Nhà xuất bản Thống kê, 2006
 [2] Kế toán thống kê nội bộ - Hà Xuân Thu, Nhà xuất bản Thống kê, 2005
 [3] Kế toán thống kê nội bộ, Trần Phú Giang, Nhà xuất bản Thống kê, 2005
 [4] Luật Kế toán, Nhà xuất bản Tài chính, 2005.
 [5] Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Nhà xuất bản Tài chính, 2006.
 [6] Chế độ kế toán doanh nghiệp, Nhà xuất bản Tài Chính, 2006

✓ Khác

- [1]. Hệ thống các thông tin kế toán các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành
 2]. Các thông tin kế toán về thu nhập doanh nghiệp và thu GTGT do Bộ Tài Chính ban hành

C1: TÍNH QUAN HỆ DOANH NGHIỆP VÀ TMDV MỨC TIỂU CHUẨN NG 1

Sau khi nghiên cứu chương này, người học và bạn đồng nghiệp:

- ✓ Hiểu được đặc điểm riêng biệt của doanh nghiệp và môi trường kinh doanh
- ✓ Biết phương pháp tính toán công tác kế toán trong doanh nghiệp và môi trường kinh doanh:
- Tính giá trị nội dung kế toán;
- Tính giá trị nội dung kế toán tài khoản;
- Tính giá trị nội dung kế toán hình thức kế toán & sổ kế toán;
- Tính giá trị nội dung kế toán báo cáo kế toán.

C1: T NG QUAN V DOANH NGHĨ P TMDV

1.1. Đ c đi m doanh nghi p th ng m i d ch v

1.1.1 Các khái ni m

v Ho t đ ng kinh doanh th ng m i: là ho t đ ng l u thông phân ph i hàng hóa
v Kinh doanh d ch v : là ngành kinh doanh s n ph m vô hình.

C1: T NG QUAN V DOANH NGHĨ P TMDV

1.1. Đ c đi m doanh nghi p th ng m i d ch v

1.1.2 Đ i t ng kinh doanh TMDV

s Hàng hóa trong kinh doanh th ng m i đ c phân theo t ng ngành nh :

- Hàng nông, lâm, th y, h i s n
- Hàng công ngh ph m tiêu dùng
- Hàng v t t thi t b
- Hàng th c ph m ch bi n, l ng th c.

s Ho t đ ng d ch v : nhà hàng khách s n, kinh doanh d ch v , v n t i.

C1: T NG QUAN V DOANH NGHĨ P TMDV

1.1.3. Đ c đi m doanh nghi p th ng m i d ch v

1.1.3.1. Đ c đi m và l u chuy n hàng hóa

L u chuy n hàng hóa bao g m 3 khâu: mua vào, đ tr và bán ra. Trong ĐK kinh doanh hi n nay, các DN c n tính toán đ tr hàng hóa h p lý, tránh đ hàng t n kho quá l n, nh m s d ng v n h p lý, ti t ki m chi phí, tăng hi u qu kinh t .

C1: T NG QUAN V DOANH NGHĨ P TMDV

1.1.3.2. Đ c đ i m v v i c tính giá

V nguyên t c, hàng hóa trong DN th ng m i đ c xác đ nh theo giá mua th c t t ng khâu kinh doanh:

Trong khâu mua:

Giá mua th c t = Giá thanh toán v i ng i bán + Chi phí thu mua + Các kho n thu không đ c hoàn l i – Các kho n gi m giá, hàng mua tr l i, chi t kh u th ng m i đ c h ng (n u có)

Trong khâu bán: giá xu t bán áp d ng theo 4 PP: Đ n giá BQGQ, giá th c t đích danh, giá NT-XT, giá NS-XT.

C1: T NG QUAN V DOANH NGHĨ P TMDV

1.2. T ch c công vi c k toán trong doanh nghi p TMDV

1.2.1. T ch c v n d ng ch đ ch ng t k toán

1.2.1.1. Nh ng quy đ nh v ch đ ch ng t k toán

v Ch ng t k toán ban hành theo ch đ k toán DN QĐ15/2006/QĐ-BTC, ngày 20/3/2006 hay QĐ48/2006/QĐ-BTC, ngày 14/09/2006, g m 5 ch tiêu:

- + Ch tiêu lao đ ng t i n l ng
- + Ch tiêu hàng t n kho
- + Ch tiêu bán hàng
- + Ch tiêu t i n t
- + Ch tiêu TSCĐ

v Ch ng t k toán ban hành theo các văn b n pháp lu t khác

C1: T NG QUAN V DOANH NGHĨ P TMDV

1.2.1.2. T ch c v n d ng ch đ ch ng t k toán

v V n d ng h th ng bi u m u CTKT (b ng 1.1)

v L p ch ng t k toán

v Kỳ ch ng t k toán

v Trình t luân chuy n và ki m tra CTKT

C1: T NG QUAN V DOANH NGHĨ P TMDV

1.2.2. T ch c v n d ng h th ng tài kho n k toán

1.2.2.1. H th ng tài kho n k toán Vi t Nam

Có 2 HTTK k toán:

- Đ i v i DN có quy mô l n thì áp d ng HTTK ban hành kèm theo QĐ15/2006/QĐ-BTC, ngày 20/03/2006 c a BTC (b ng 1.2).

- Đ i v i DN có quy mô nh và v a thì áp d ng HTTK ban hành kèm theo QĐ48/2006/QĐ-BTC, ngày 14/09/2006 c a BTC (b ng 1.3).

C1: T NG QUAN V DOANH NGHĨ P TMDV

1.2.2.2. T ch c v n d ng h th ng tài kho n k toán

Khi xây d ng HTTK k toán cho đ n v, k toán c n ph i:

v D a vào quy mô v v n và ngu n lao đ ng trong DN đ l a ch n HTTK cho phù h p.

v T HTTK DN s áp d ng, k toán t i n hành l a ch n TK nào s đ c DN s d ng.

v T s l ng TK s d ng đã ch n l a, k toán t i n hành thi t k chỉ t i t HTTK cho đ n v.

C1: T NG QUAN V DOANH NGHĨ P TMDV

1.2.3. T ch c v n d ng h th ng s k toán và hình th c k toán

1.2.3.1. Các hình th c k toán:

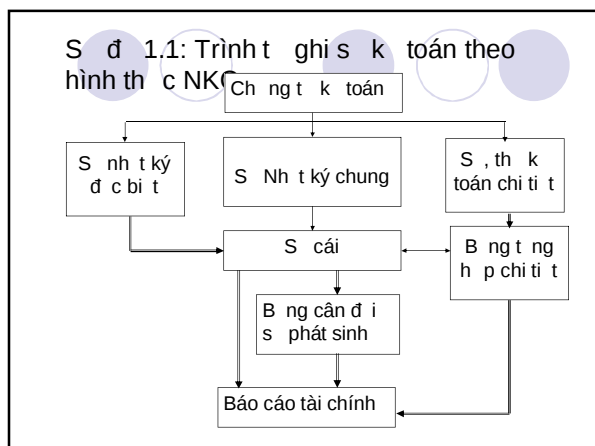
- Hình th c k toán nh t ký chung (S đ 1.1)

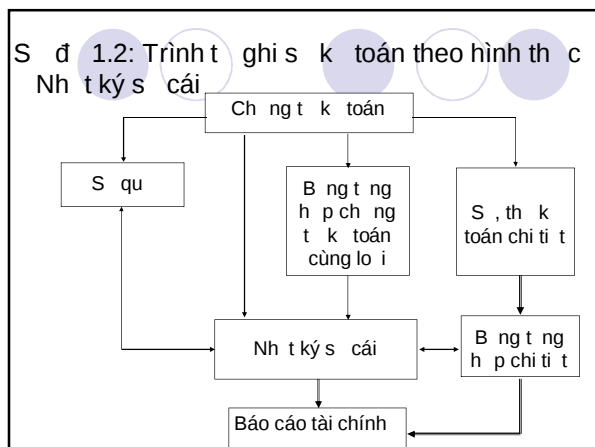
- Hình th c k toán nh t ký-s cái (S đ 1.2)

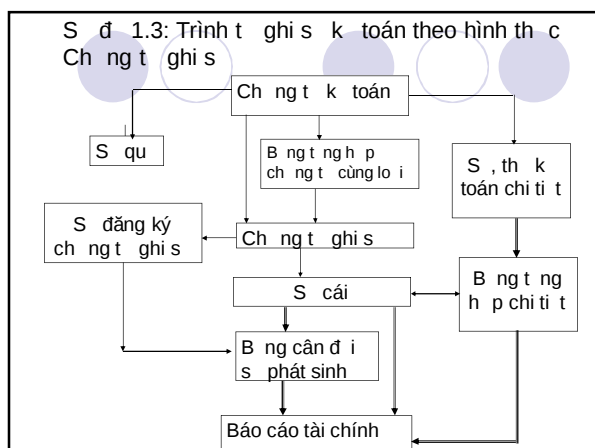
- Hình th c k toán ch ng t ghi s (S đ 1.3)

- Hình th c k toán nh t ký ch ng t (S đ 1.4)

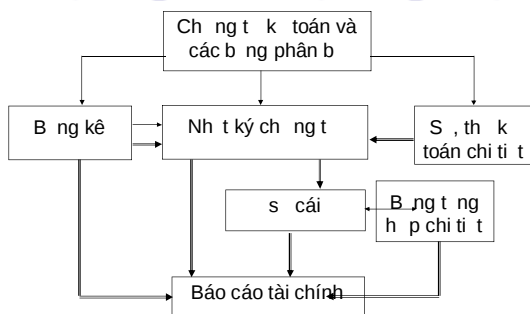
- Hình th c k toán trên máy vi tính (S đ 1.5)



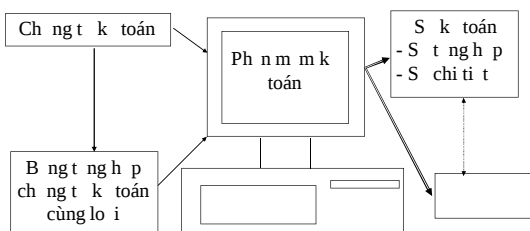




S đ 1.4: Trình t ghi s k toán theo hình th c Nh t ký ch ng t



S đ 1.5: Trình t ghi s k toán theo hình th c trên máy vi tính



C1: T NG QUAN V DOANH NGHIỆP P TMDV

1.2.3.2. T ch c v n d ng h th ng s k toán và hình th c k toán:

B ng 1.4: Danh m c s k toán

C1: T NG QUAN V DOANH NGHİ P TMDV

1.2.4. T ch c th c hi n ch đ báo cáo tài chính

1.2.4.1. Các h th ng báo cáo đ i v i k toán tài chính doanh nghi p

Báo cáo tài chính g m:

- v B ng cân đ i k toán
- v Báo cáo k t qu ho t đ ng kinh doanh
- v Báo cáo l u chuy n ti n t
- v B ng thuy t minh BCTC

C1: T NG QUAN V DOANH NGHİ P TMDV

1.2.4.2. Các h th ng báo cáo đ i v i k toán tài chính doanh nghi p

T ch c th c hi n ch đ BCTC

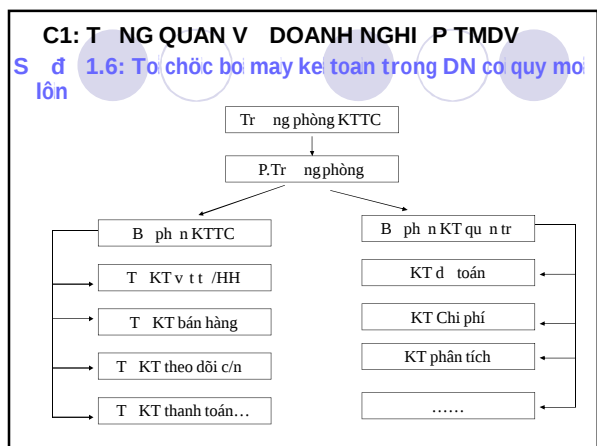
- H th ng BCTC năm: áp d ng cho t t c các doanh nghi p.
- Cty m và t p đoàn l p thêm BCTC h p nh t
- H th ng BCTC gi a niên đ áp d ng đ i v i: DNNN, DN miêm y t trên th tr ng ch ng khoán và các DN khác khi t nguy n l p BCTC gi a niên đ (BCTC quý)

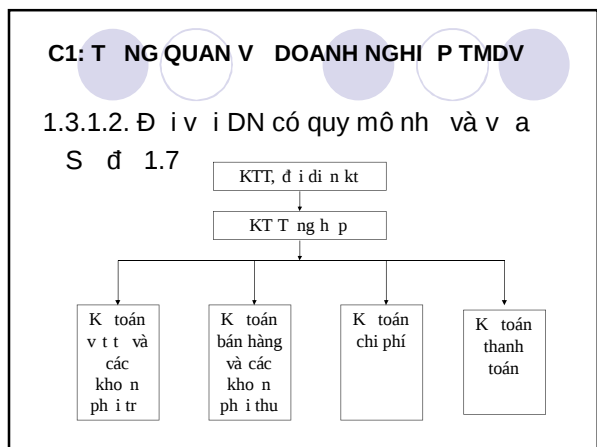
C1: T NG QUAN V DOANH NGHİ P TMDV

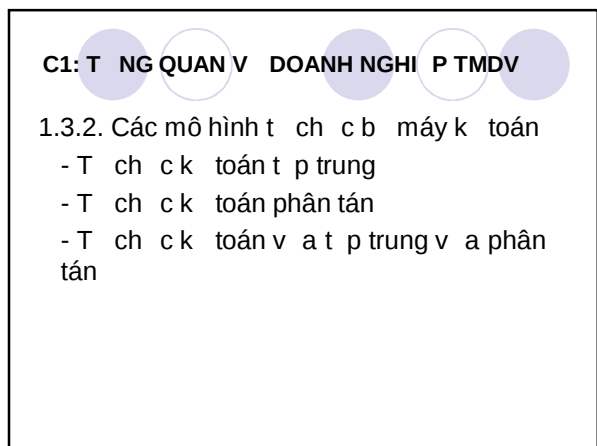
1.3. T ch c b máy k toán và các mô hình t ch c trong DN TMDV

1.3.1. T ch c b máy k toán

1.3.1.1. Đ i v i DN có quy mô l n







Ch tiêu	Mô hình KT t p trung	Mô hình KT phân tán	Mô hình KT v a t, trung v a p. tán
1. Đ c đi m	- Toàn b công vi c x lý thông tin t p trung phòng KT - Các đ n v tr c thu c ch thu th p , phân lo i TT và g i v phòng KT	- Các đ n v tr c thu c h ch toán đ c l p - P.KT t p h p báo cáo c a đ n v tr c thu c đ l p báo cáo t ng h p toàn doanh nghi p	
2. u đi m	- Gon nh , ti t ki m, x lý TT nhanh chóng, k p th i	- Đáp ng đ c yêu c u thông tin ph c v cho qu n lý n i b	
3. Nh c đi m	- C s v t ch t k thu t ph i đ ng b	- C ng k nh, t n kém, ch ng chéo công vi c chuyên môn	
4. ĐK	- Ph m vi ho t đ ng	- Phù h p v i DN có	



CH


NG 2



K TOÁN Tì N VÀ CÁC
KHO N T NG Đ NG
Tì N

2.1 T ng quan v tì n và các kho n
t ng đ ng tì n

2.2 K toán tì n m t t i qu

2.3 K toán tì n g i ngân hàng

M C TIÊU CH NG 2

Sau khi nghiên cứu Chương 2, sinh viên có những kiến thức và khái niệm, nguyên tắc và phương pháp hạch toán đối với tài sản và các khoản nợ ngắn hạn. Đặc biệt sinh viên sẽ hiểu rõ kỹ thuật hạch toán các khoản tài sản liên quan đến ngoại tệ.

2.1.1 Các khái niệm

Vốn là tài sản của doanh nghiệp tồn tại dưới hình thái giá trị bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (tên Ví dụ Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý), tiền đang chuyển và các khoản tài sản không kỳ hạn.

Vốn các khoản nợ ngắn hạn là các khoản nợ ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền tài sản xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.1.2. Nhiệm vụ kế toán

- Phản ánh kịp thời các khoản thu, chi và biến động tài sản. Thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu sổ lưu chuyển xuyên suốt quá trình hoạt động giám sát chặt chẽ.
- Thực hiện các quy định về hạch toán, thống kê kế toán.
- Thông qua việc ghi chép, kế toán có thể thực hiện chức năng kiểm soát và phát hiện các sai lệch chi tiêu lãng phí, sai lệch, phát hiện các chênh lệch, xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

2.1.3. Nguyên tắc hạch toán

- ✓ Kế toán tài sản được vận dụng thống nhất là VNĐ.
- ✓ Các doanh nghiệp có sổ đăng ngoại tệ trong họ tên đơn vị SXKD phải quy đổi ngoại tệ ra đồng VN theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng NNVN công bố hoặc tỷ giá giao dịch thực tế tại địa phương phát sinh nghiệp vụ để ghi sổ kế toán. Đơn vị ghi chép kế toán chỉ tính ngoại tệ trên TK007 (TK ngoại tệ ngân hàng).
- ✓ Vàng, bạc, đá quý phải phản ánh TK vận chuyển tài sản áp dụng cho các doanh nghiệp không có chức năng KD vàng, bạc, đá quý. Khi tính giá xuất của vàng, bạc, đá quý và ngoại tệ có thể áp dụng mức trong các PP sau: Bình quân gia quyền, nhập trước-xuất trước, nhập sau-xuất trước, giá thực tế đích danh.

2.2.1 Chứng từ kế toán

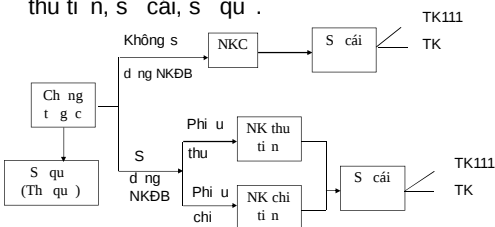
Chứng từ sổ đăng hạch toán tài sản bao gồm:

- ✓ Chứng từ gốc:
 - Hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng
 - Giấy chứng nhận (03-TT)
 - Thanh toán tiền (04-TT)
 - Bảng thanh toán tiền (02-LĐTL)
 - Hợp đồng
 - Biên lai thu tiền (05-TT)
 - Bảng kê vàng bạc, đá quý (06-TT)
 - Bảng kê kim kê qu (07a-TT, 07b-TT)
- ✓ Chứng từ dùng để ghi sổ: Phiếu thu (01-TT), phiếu chi (02-TT)

2.2.2 Sổ sách kế toán

2.2.2.1. Đối với hình thức kế toán nhật ký chung

Đối với hình thức kế toán nhật ký chung gồm các sổ: nhật ký chung, nhật ký debit, nhật ký thu tiền, sổ cái, sổ quỹ.



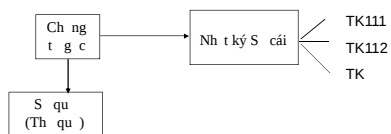
2.2.2 S sách k toán

2.2.2.2. Đ i v i hình th c k toán nh t ký s cái

Đ i v i hình th c Nh t ký S cái g m: S

Nh t ký S cái, s qu .

Quy trình chung ghi s k toán

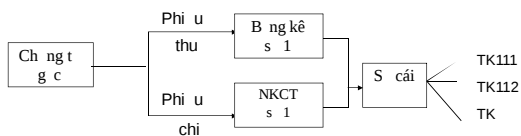


2.2.2 S sách k toán

2.2.2.3. Đ i v i hình th c k toán nh t ký ch ng t

Đ i v i hình th c NKCT g m: s nh t ký ch ng t s 1, b ng kê s 1, s cái.

Quy trình chung ghi s k toán

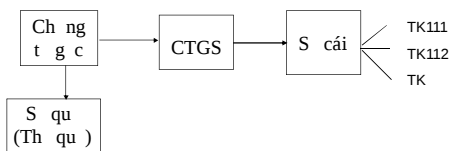


2.2.2 S sách k toán

2.2.2.4. Đ i v i hình th c k toán ch ng t ghi s

Đ i v i hình th c CTGS g m: s CTGS, s cái, s đăng ký ch ng t ghi s , s qu

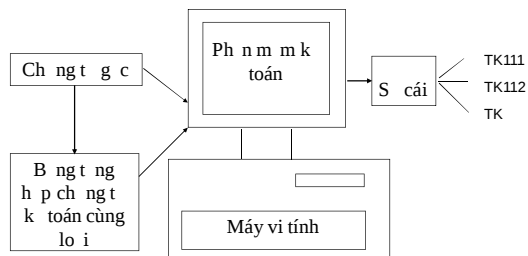
Quy trình chung ghi s k toán



2.2.2 S sách k toán

2.2.2.5. Đ i v i hình th c k toán trên máy vi tính

Quy trình chung ghi s k toán



2.2.3. Tài kho n s d ng

K toán t ng h p s d ng tài kho n 111" t i n m t " đ ph n ánh s hi n có và tình hình thu chi t i n m t t i qu

Tài kho n 111-"T i n m t" g m có 3 tài kho n c p 2:

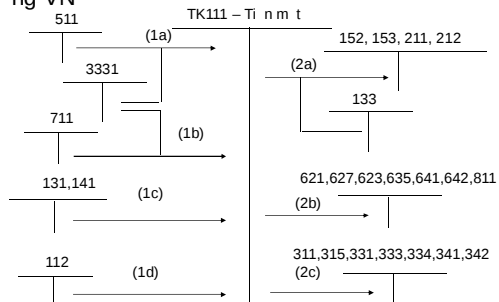
- Tài kho n 1111 – "T i n V i t Nam
- Tài kho n 1112 – "T i n ngo i t
- Tài kho n 1113 – "Vàng, b c, đá quý, kim khí quý"

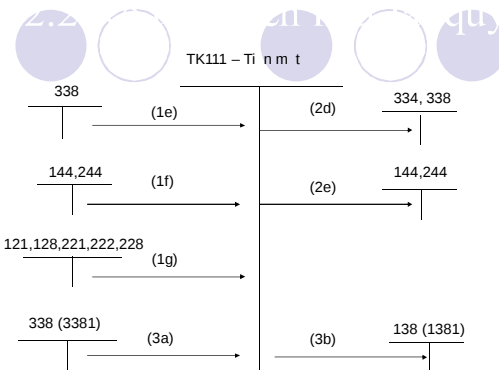
TK111-Ti n m t

<u>SĐĐK: Các kho n t i n m t, ngo i t, vàng b c, đá quý t n qu</u> - Các kho n t i n m t, ngân phi u, ngo i t, vàng, b c, đá quý nh p qu - S t i n m t th a qu phát hi n khi ki m kê	Các kho n t i n m t, ngo i t, vàng b c, đá quý xu t qu - S t i n m t thi u qu phát hi n khi ki m kê
T ng s phát sinh N	T ng s phát sinh Có
<u>SĐCK: Các kho n t i n m t, ngo i t, vàng b c, đá quý t n qu</u>	

2.2.4. Ph pháp h ch toán

2.2.4.1. Ph pháp h ch toán t n m t t i qu là đ ng VN





2.2.4. Ph pháp h ch toán

2.2.4.2. Ph pháp h ch toán t n m t t i qu là ngo i t

- « M t s khái n i m
- ✓ Ngo i t : là đ n v t i n t khác v i đ n v t i n t k toán c a m t doanh nghi p.
- ✓ Đ n v t i n t k toán: là đ n v t i n t đ c s đ ng chính th c trong v i c ghi s k toán và l p báo cáo tài chính.
- ✓ T giá h i đoái: là t giá trao đ i gi a hai đ n v t i n t.
- ✓ Chênh l ch TGHĐ: là chênh l ch phát sinh t v i c trao đ i th c t ho c quy đ i c a cùng m t s l ng ngo i t sang đ n v t i n t k toán theo các TGHĐ khác nhau.
- ✓ TGHĐ c u i kỳ: là TGHĐ s đ ng t i ngày l p b ng CDKT
- ✓ TG th c t : là TGHĐ mua bán th c t bình quân liên NH do NHNNVN công b t i th i đ i m phát sinh nghi p v.
- ✓ TG h ch toán: là TG đ c s đ ng n đ nh trong m t kỳ k toán.

2.2.4. Ph ng pháp h ch toán

2.2.4.2. Ph ng pháp h ch toán t n m tt i
qu là ngo i t

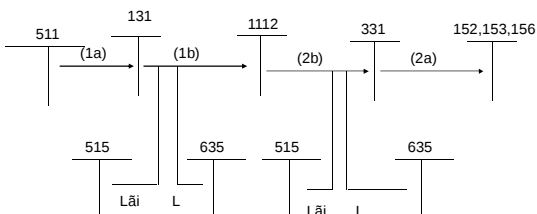
b. Ph ng pháp h ch toán

b1. Tr ng h pDN s d ng t giá th c t
(TGTT)

✓ N u DN đang trong quá trình ho t đ ng
SXKD (k c XDCB ch a hoàn thành)

l S đ h ch toán ngo i t (s d ng TGTT)

Doanh nghi p đang trong quá trình ho t đ ng
SXKD



b. Ph ng pháp h ch toán

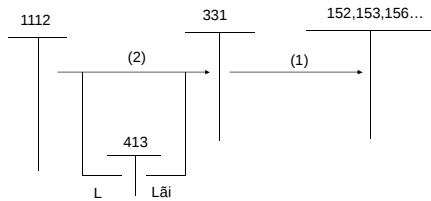
b1. Tr ng h pDN s d ng t giá th c t
(TGTT)

✓ N u DN trong quá trình XDCB ch a hoàn
thành (ch a phát sinh DT, CP)

Ph ng pháp t ng t nh trên nh ng n u
lãi CLTG liên quan đ n ngo i t thì h ch
toán vào bên có TK413, ng c l i n u l
thì h ch toán vào bên n TK413

2.2.4.1. Sơ đồ hạch toán nghiệp vụ (sơ đồ nghiệp vụ TGTT)

Doanh nghiệp đang trong quá trình XDCB chưa hoàn thành



b. Phương pháp hạch toán

b2. Trường hợp DN sử dụng giá hạch toán (TGHT)

Ghi chú: Hiện nay Bộ Tài Chính không đề cập đến TGHT, vì vậy phương pháp hạch toán phần này chỉ để tham khảo

2.2.4.2. Phương pháp hạch toán tài sản mua sắm

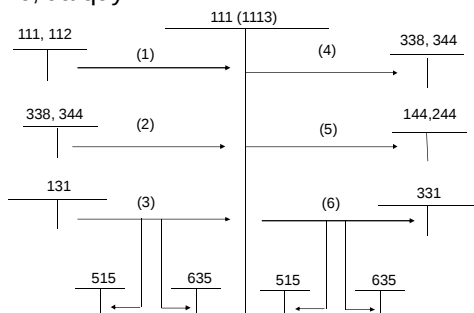
quy là vàng bạc, đá quý

✓ Giá nhập được ghi sổ theo giá mua thực tế

✓ Giá xuất có thể tính theo 1 trong bốn PP: BQGG, NT-XT, NS-XT, **thực tế đích danh**

✓ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ hạch toán tài sản là vàng, bạc, đá quý



2.3.1. Chứng từ kế toán

V Chứng từ sử dụng: GBC, GBN, biên sao kê
V Chứng từ ghi sổ: UNT, UNC, LCT...

2.3.2. Sổ sách kế toán

V Đối với hình thức nhật ký chung ghi các sổ:
NKC, NK để cân đối, NK thu nhập, NK chi tiêu, sổ cái, sổ quỹ.

V Đối với hình thức nhật ký chứng từ ghi sổ:
NK chứng từ số 1, biên sao kê số 1, sổ cái.

V Đối với hình thức chứng từ ghi sổ:
chứng từ ghi sổ, sổ cái, sổ quỹ.

V Đối với hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3.3. Tài khoản sử dụng

V Tài khoản sử dụng: TK112 "TGNH" để theo dõi số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm TGNH của DN.

TK 112 có 3 TK cấp 2:

- TK1121: Tiền Việt Nam
- TK1122: Ngoại tệ
- TK1123: Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý

2.3.3. Tài khoản sử dụng

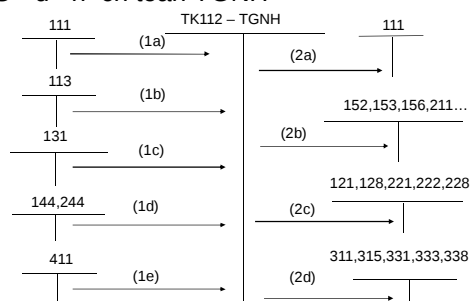
VK tc u và n i dung ph n ánh c a TK112

TK112 "TGNH"

SDDK: S t i n g i t i ngân hàng đ u i kỳ	Các kho n t i n g i đ c rút ra
- Các kho n t i n g i vào ngân hàng	- Chênh l ch g i m t
- Chênh l ch tăng t giá do đánh giá l i s đ ngo i t c u i kỳ	giá do đánh giá l i s đ ngo i t c u i kỳ
T ng s phát sinh N	T ng s phát sinh Có
SDCK: S t i n g i t i ngân hàng c u i kỳ	

2.3.4. Ph ng pháp h ch toán

S đ h ch toán TGNH



2.3.4. Ph ng pháp h ch toán

S đ h ch toán TGNH

